

VỀ ĐỒNG TIỀN CỦA NGUYỄN VƯƠNG - PHÚC ÁNH ĐÚC TẠI GIA ĐỊNH

NGUYỄN ANH HUY

Ngày nay, cùng với sự rộ nở Việt Nam học, sự đánh giá lại lịch sử là vấn đề rất cần thiết, nhất là đối với những nhân vật có nhiều ẩn khuất khó có được sự thống nhất của nhiều luồng ý kiến. Bên cạnh đó, việc đào xới lịch sử, tìm ra những chi tiết nhỏ để lý giải thêm cho những nhận định cũng là việc rất cần.

Việt Nam Thế tổ - Hoàng đế Gia Long - Nguyễn vương Phúc Ánh, là một nhân vật lịch sử điển hình cho sự tranh chấp nhiều nhận định mà mấy chục nm trở lại đây đang được phân tích... Và trong 25 năm Nguyễn vương bôn ba khôi phục cơ đồ, có một vấn đề nhỏ làm tôi cứ băn khoăn mãi. Đó là việc Nguyễn vương cho đúc tiền kẽm Gia Hưng Thông Bảo (茄興通寶) để làm tiền mẫu dịch đơn thuần hay là để biểu hiện ý nghĩa chính trị?

Đại Nam Thực Lục, Nxb. Giáo Dục năm 2004, tập 1, trang 345 có ghi: "*Bính Thìn, năm thứ 17 [1796]... Tháng 12... Bắt đầu đúc tiền Gia Hưng Thông Bảo*".

Đánh giá ý nghĩa của tiền *Gia Hưng Thông Bảo*, có hai khuynh hướng: Phần lớn các nhà nghiên cứu tiền cổ trên thế giới cho rằng đây chỉ là loại tiền được đúc ra để đáp ứng nhu cầu mẫu dịch thông thường, nhưng một số nhà sưu tập lại nâng tiền này lên như là tiền chính triều (mang niên hiệu của vua) để tăng độ quý báu của sưu tập. Điển hình cho khuynh hướng sau, nhà sưu tập - nghiên cứu tiền cổ Phan Thanh Sơn đã có bài "*Gia Hưng Thông Bảo, đồng tiền đánh dấu bước hưng vận của chúa Nguyễn Phúc Ánh*" trên Tạp chí *Huế Xưa Và Nay*, số 39 ra tháng 3 năm 2000.

Tác giả cho rằng: "*Không phải ngẫu nhiên Nguyễn Vương chọn hai chữ Gia Hưng để đặt tên cho đồng tiền đầu tiên của mình. Gia Hưng là sự hưng thịnh tốt đẹp. Vậy phải chăng trong hai chữ đó chúa... đã gửi gắm niềm mong muốn, lòng khao khát khôi phục lại vương triều từ mảnh đất Gia Định này? Cái ngày mong muốn đó... đang đến gần, vương đang tràn trề hy vọng. Chữ*

* Bác sĩ. Bệnh viện huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế

"gia" được viết giản thể một cách cố ý, như ngụ ý ở đằng sau chữ viết giản lược ấy rằng bước hưng thịnh tốt đẹp này chưa trọn vẹn vì Phú Xuân, đất dựng nghiệp của tổ tiên vương vẫn còn chưa chiếm lại được".

Và tác giả cũng đã "rất tiếc là vị trí của nó chưa được các nhà nghiên cứu đánh giá đúng mức", bởi vì: "... chỉ 6 năm sau... Trên đồng tiền Gia Long..., chữ "Gia" được viết đầy đủ, mà chữ "Long" lại đồng nghĩa với chữ "Hưng", tức là thịnh, đầy đủ như niềm vui thống nhất sơn hà của nhà vua đã trọn vẹn. Chúng tôi nghĩ, niên hiệu Gia Long là một sự phát triển (nếu không muốn nói là anh em sinh đôi) của niên hiệu Gia Hưng (dù không chính thức) đã có từ trước trên đồng tiền do chính Nguyễn vương sai đúc tại Gia Định".

Trước khi bình luận cách giải thích trên, thiên nghĩ cũng nên đặt lại vấn đề: "niên hiệu" là gì? Khái niệm này, tôi đã có lúc giải thích trong bài "Có phải là món nợ Sử học?" trên Tạp chí Huế Xưa Và Nay, số 62 ra tháng 4 - 2004.

Sử sách cũng như Từ Nguyên ít giải thích rõ ràng về khái niệm này. Trong quá trình tìm tòi Kim thạch học và Niên đại học, dần dần tôi đúc kết được rằng: Niên hiệu là một ngự danh của vua lúc đăng quang và được dùng để tính lịch niên đại trong khoảng thời gian vị vua ấy đang trị vì.

Là một ngự danh, vì thế niên hiệu đã được dùng để trực tiếp chỉ vua. Vô vàn chứng cứ cho thấy điều này, có thể đưa ra một số ví dụ sau:

- Bức ảnh chụp chân dung vua Duy Tân có ghi chú chữ Hán "Đại Nam Duy Tân hoàng đế", có nghĩa là: Vua Duy Tân nước Đại Nam.

- Đại Nam Thực Lục - Đế ngũ kỷ (1883-1885) phần "Phàm lệ" có viết: "2. Từ sau ngày 13 tháng 6 năm Kiến Phúc thứ 1 đến trước ngày mồng 10 tháng 8 năm Hàm Nghi thứ nhất... chuẩn phụng chép Xuất đế là vua Hàm Nghi... 3. Phụ biểu: Trước chép là "Hàm Nghi đế"...". Một số điểm khác trong sách này chép: "Vả phương Nam phương Bắc đều vâng dụ vua Hàm Nghi dấy quân cần vương...".

- Cũng Đại Nam Thực Lục - Đế ngũ kỷ, quyển V: "Hàm Nghi đế (phụ)... Tháng 9 năm Thành Thái thứ 8 lại nghị chuẩn theo cách chép Kiến Văn đế, Cảnh Thái đế ở sử nhà Minh để chép Hàm Nghi đế và phụ vào kỷ này". Một số điểm khác trong sách này chép: "Vua Hiệp Hoà"...

- Đại Nam Thực Lục - Đế lục kỷ II (1886-1888) chép vua Hàm Nghi là "Hàm Nghi xuất đế".

- Đại Nam Thực Lục - Đế lục kỷ I (1885-1886) chép: "Khoản 4: Long tinh bội nước Đại Nam... khắc nổi 4 chữ "Đồng Khánh hoàng đế"... Khoản 11: Về kiểu mẫu... thì mặt trên vẽ rồng, khắc 4 chữ "Đồng Khánh hoàng đế"...

Một vài chứng cứ trên, cho thấy những danh từ mà ta hay gọi là niên hiệu như Kiến Văn, Cảnh Thái, Hiệp Hoà, Hàm Nghi, Đồng Khánh... chính là một ngự danh của vua lúc đang tại vị, được sử dụng từ bên Trung Quốc, và nước ta theo cách đó mà dùng. Và loại ngự danh này được dùng để tính số năm vị vua này làm vua mà chép lịch niên đại, nên được gọi là "niên hiệu"; cách sử dụng để chép lịch đại này rất phổ biến trong các thư tịch, trên các di vật, di tích... Ví dụ như "Gia Long thập ngũ niên", thường được dịch là "Gia Long năm thứ 15", thì phải hiểu rõ là: Năm thứ 15 thời vua Gia Long trị vì. Cho nên, không thể có

“món nợ sử học” là *“Thế Tổ Cao Hoàng Đế thì gọi nhầm là vua Gia Long...”* được, mà đó là một cách gọi chính thống.

Và để một vị vua có niên hiệu, thì phải chính danh lên ngôi tôn, trọng thể lập đàn tế cáo trời đất về việc đặt niên hiệu. Chiếu đặt niên hiệu của vua Gia Long năm 1802 được *Đại Nam Thực Lục* chép lại như sau: *“... Năm Canh Tý [1780] ta mới ở thành Gia Định, được các tướng sĩ suy tôn, đã lên ngôi vương để giữ lòng người. Duy đô cũ chưa phục, nên còn theo niên hiệu cũ. Nay ơn trời giúp đỡ, các thánh thể phúc, bờ cõi cũ đã lấy lại, cơ nghiệp xưa đã về, các quan văn võ tại triều dâng sớ chương khuyến ta lên ngôi hoàng đế và đổi niên hiệu. Nhưng ta nghĩ rằng... đất nước chưa thống nhất, không nên vội lên ngôi tôn. Duy cứ theo niên hiệu cũ đã qua mà thi hành những lệnh đổi mới thì không phải là nêu rõ được khuôn phép. Vậy nên chuẩn lời xin đặt niên hiệu mới, định lấy ngày mồng 1 tháng 5 năm nay kính cáo trời đất, ngày hôm sau kính cáo liệt thánh, chép niên hiệu là Gia Long, để thống nhất kỷ cương...”*.

Với khái niệm về niên hiệu như trên, vậy Gia Hưng có phải là một niên hiệu (dù không chính thức) không? Ở đây, nếu cần bàn thêm thế nào là niên hiệu “chính thức / không chính thức” (?) thì phải đi sâu vào niên đại học và lịch đại đế vương vùng Đông Á (chủ yếu là 4 nước đồng văn), vấn đề sẽ phức tạp thêm rất nhiều. Trong giới hạn thảo luận này, tôi chỉ bàn với cách hiểu thông thường, và theo chiếu đặt niên hiệu của vua Gia Long, thì cho thấy Gia Hưng không phải là một niên hiệu!

- Nếu Gia Hưng là một niên hiệu, vì sao *Đại Nam Thực Lục* không thấy nói chuyện tế cáo trời đất?

- Đã có chứng vật nào cho thấy vương sử dụng Gia Hưng làm niên hiệu, ví dụ như có ghi *“Gia Hưng nguyên / nhị / tam... niên”* chẳng hạn?

- Nếu dùng Gia Hưng như một niên hiệu thì trong quá trình hoạt động của vương, năm 1796 phải là Gia Hưng nguyên niên, nhưng mãi cho đến trước tháng 5 năm 1802, Nguyễn vương vẫn sử dụng niên hiệu Cảnh Hưng của vua Lê trong các văn bản của mình. *Đại Nam Thực Lục* chính biên, Đệ nhất kỷ, phần *Phạm lệ* cho hay: *“Từ trước tháng 4 mùa hạ năm Nhâm Tuất vẫn dùng niên hiệu nhà Lê...”*. Trong chiếu đặt niên hiệu có nói *“Duy đô cũ chưa phục, nên còn theo niên hiệu cũ”*, chính là niên hiệu của vua Lê dùng cho đến “trước tháng 4... năm Nhâm Tuất” tức năm 1802.

- Thêm nữa, nếu Gia Hưng là niên hiệu, tức đã là một ngự danh, tên của vua, lẽ nào các vua triều Nguyễn sau này không biết điều đó, lại lấy một ngự danh của Thế Tổ để ban cho Hồng Hư, hoàng tử thứ 8 của vua Thiệu Trị làm tước Gia Hưng vương?

Rõ ràng chưa bao giờ Nguyễn vương - Phúc Ánh xem Gia Hưng (trên đồng tiền Gia Hưng Thông Bảo) là niên hiệu của mình! Ngay cả khi đã tái chiếm được Phú Xuân, quân thân đề nghị lên ngôi, vương vẫn nói: *“Nhưng ta nghĩ rằng... đất nước chưa thống nhất, không nên vội lên ngôi tôn. Duy cứ theo niên hiệu cũ đã qua mà thi hành những lệnh đổi mới thì không phải là nêu rõ được khuôn phép. Vậy nên chuẩn lời xin đặt niên hiệu mới...”*.

Cũng cần nói thêm, cách nghĩ rằng “Trên đồng tiền Gia Long..., chữ “Gia” được viết đầy đủ, mà chữ “Long” lại đồng nghĩa với chữ “Hưng”, tức là thịnh, đầy đủ như niềm vui thống nhất sơn hà của nhà vua đã trọn vẹn...”, cũng tương tự như trong dân

gian thường có cách giải thích “Gia Long (嘉隆) là sự thống nhất từ Gia Định (嘉定) đến Thăng Long (昇龍)”. Đây là một cách giải thích hoàn toàn sai với thực tế lịch sử về cả mặt không gian lẫn thời gian: Khi đặt niên hiệu Gia Long, vua cũng chỉ mới lấy lại được Phú Xuân chứ chưa đánh chiếm Thăng Long, rõ ràng niên hiệu Gia Long có trước, sự thu phục được Thăng Long là có sau. Thêm nữa, về mặt chữ Hán thì hai chữ “Long” viết hoàn toàn khác nhau, “Long” trong Thăng Long có nghĩa là con rồng, còn “Long” trong Gia Long lại có nghĩa là thịnh vượng! Như vậy, chưa có chứng cứ gì để cho rằng việc đặt niên hiệu Gia Long là vì “niềm vui thống nhất sơn hà của nhà vua đã trọn vẹn...” từ Gia Định đến Thăng Long. Còn việc đổi chữ Hán tên thành Thăng Long, thì mãi đến năm 1805 vua Gia Long mới đổi như trong *Đại Nam Thực Lục* cho biết: “Ất Sửu, Gia Long năm thứ 4 (1805) ... Tháng 8... Đổi thành Thăng Long 昇龍 làm thành Thăng Long 昇隆”.

Vậy thì việc đúc ra tiền kẽm Gia Hưng thông báo có ý nghĩa gì?

Trước hết, phải nói tiền Gia Hưng có đến 2 loại khác nhau ở chữ “Gia”: có loại chữ này viết giản thể (茄), cũng có loại viết phồn thể (嘉).

Trong các loại tiền kẽm được đúc thời chúa Nguyễn từ năm 1746 đến năm 1802, có loại tiền Gia Hựu Bình Bảo, cũng có chữ “Gia” viết giản thể như tiền Gia Hưng và loại chữ giản thể này thường xuất hiện nhiều trên tiền thế kỷ XVIII. Do tiền thời kỳ này có đặc điểm là vành rất rộng, khoảng trống còn lại để viết chữ rất hẹp, mà chữ “Gia” gồm 14 nét rất khó viết trên một đồng tiền nhỏ như vậy nên về mặt kỹ thuật buộc phải viết giản thể lược nét. Vì thế, không thể giải thích rằng “... Chữ “gia”

được viết giản thể một cách cố ý, như ngụ ý ở đằng sau chữ viết giản lược ấy rằng bước hưng thịnh tốt đẹp này chưa trọn vẹn vì Phú Xuân, đất dựng nghiệp của tổ tiên vương vẫn còn chưa chiếm lại được”.

Vậy tại sao phải đúc 2 loại tiền Gia Hưng khác nhau? *Đại Nam Thực Lục* cho biết: “Mậu Ngọ, năm thứ 19 [1798]... Mùa hạ, tháng tư... Định lệ đúc tiền. Cứ 100 cân kẽm thì đúc thành 35 quan, mỗi quan tiền cân nặng 1 cân 14 lạng làm hạn. Sai tri Đô gia là bọn Cáp Văn Hiếu và Nguyễn Thành Chấn mộ người Đường [Hoa kiều] để đúc”. Từ dòng sử liệu này, có thể suy luận được loại tiền có chữ “Gia” viết giản thể được đúc năm 1796, còn loại có chữ “Gia” phồn thể thì được đúc năm 1798. Ở đây không thể giải thích năm 1798 đúc tiền có chữ “Gia” phồn thể là do “...Cái ngày mong muốn đó... đang đến gần, vương đang tràn trề hy vọng”, bởi vì trong năm 1797, từ Gia Định, vương đánh ra Quy Nhơn nhiều lần đều thất bại trở về. Mà giải thích rằng đợt sau đúc tiền có chữ “Gia” phồn thể là do “(năm 1798) Định lệ đúc tiền...”, đồng tiền được định đúc to hơn đợt năm 1796; chính nhờ khuôn đúc tiền được làm to hơn, nên về kỹ thuật viết chữ “Gia” được đủ nét phồn thể một cách dễ dàng!

Sự phân tích Gia Hưng không phải là một niên hiệu, cho thấy việc đúc ra tiền này chỉ với mục đích đơn thuần là để làm tiền mậu dịch, tương tự như năm 1746 chúa Nguyễn đúc tiền kẽm Thiên Minh vậy; cho nên tiền mang hiệu Gia Hưng đồng nghĩa với niên hiệu Gia Long chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ.

Sự phát hiện về 3 dòng tiền ở Đàng Trong (1), cho thấy cả 3 dòng tiền này đều do Hoa kiều đảm nhiệm và phần lớn các hiệu tiền là sử dụng lại các hiệu của Trung Quốc. Và việc Hoa kiều đúc tiền kẽm ở Gia

Định đã có truyền thống từ khoảng mấy chục năm trước khi đúc tiền kẽm Gia Hưng: Sau khi đúc tiền kẽm Thiên Minh vào năm 1746 thì xảy ra nạn lạm phát. Lê Quý Đôn trong *Phủ Biên Tạp Lục* cho biết một trong những nơi đúc trộm tiền kẽm là ở Ba-Sắc, chính là vùng biên giới Gia Định - Campuchia. Do vậy, Hoa kiều mà Nguyễn vương mộ đúc tiền kẽm Gia Hưng rất có thể là những người đã từng đúc tiền kẽm ở vùng Ba-Sắc này.

Nghiên cứu đời sống văn hóa của Hoa kiều là một đề tài vô cùng rộng lớn, nhưng có thể tóm lại rằng người Trung Hoa lưu lạc về đây cũng thành lập các hội quán, bang hội để sinh hoạt... Ngay trên các vật dụng hàng ngày, những chiếc xe bán phở, bán bánh, họ cũng đều ghi chép những điển tích mang truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc mình như điển tích về Tam Quốc -

Thủy Hử..., nhờ đó họ bảo tồn được dân tộc tính. Chính những đồng tiền mang niên hiệu Trung Quốc là một loại tín vật sử dụng hàng ngày do Hoa kiều sản xuất, chứa đựng những truyền tin về lịch sử Trung Quốc...

Tiền kẽm *Gia Hưng Thông Bảo* tuy do Nguyễn vương - Phúc Ánh sai đúc, nhưng không mang ý nghĩa chính trị, và lại do Hoa kiều đảm nhiệm, làm tôi liên tưởng đến Gia Hưng là một niên hiệu của Trung Quốc (nước Lương) từ năm 417 đến 420. Và như thế thì tiền kẽm Gia Hưng cũng chỉ là một sản phẩm kế thừa tiền kẽm Thiên Minh, tức là được xếp vào dòng chảy tiền kẽm mậu dịch do chúa Nguyễn đúc từ năm 1746 kéo dài cho đến năm 1802, khi vương lên ngôi tôn mới bắt đầu đúc tiền chính triều mang niên hiệu Gia Long.

CHÚ THÍCH

(1). Xem: Nguyễn Anh Huy. *Những phát hiện mới về tiền đồng đỏ thời chúa Nguyễn*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2 - 2003, tr. 79-86; Nguyễn Anh Huy. *Những phát hiện mới về họ Mạc đúc tiền*. Tạp chí

Khảo cổ học, số 3 - 2001, tr. 51-62; Nguyễn Anh Huy. *Những phát hiện mới về tiền kẽm thời chúa Nguyễn*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1 - 1998, tr. 97-103.